TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2019/DS-PT
Ngày 28-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2019/TLPT-DS ngày 25/10/2019 về việc "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 291/2019/QĐPT-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ D1, sinh năm 1988 và ông Lê Văn P, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Số A đường B, khu phố 6, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Ngọc D2, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: Số B, khu phố 3, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số C, khu phố 3, phường H, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D1, ông Lê Văn P trình bày:

Ngày 17/11/2017, vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ D1, ông Lê Văn P (ông bà D1-P) có cho bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q (ông bà Q-D2) vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng từ ngày 17/11/2017 đến 17/12/2017, không lãi suất; khi hết hạn trả nợ mà ông bà Q-D2 không trả được nợ thì phải trả thêm tiền lãi với lãi suất là 20%/năm.

Sau khi vay, ông bà Q-D2 chỉ trả được số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, không trả được tiền lãi. Do đó, ông bà D1-P yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông bà Q-D2 phải trả số tiền nợ gốc 670.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm trên số tiền gốc 670.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 18/12/2017 đến thời điểm xét xử ngày 23/8/2019 là 20 tháng x 11.166.000 đồng = 223.320.000 đồng + 06 ngày x 372.000 đồng = 2.232.000 đồng, tổng số tiền lãi là 225.552.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông bà Q-D2 thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong hợp đồng vay tiền ngày 17/11/2017 chính là của ông bà Q-D2; dòng chữ *"hai vợ chồng tôi đã nhận đủ tiền"* là do bị đơn bà Phạm Ngọc D2 viết. Tuy nhiên, tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền ông bà Q-D2 chỉ nhận số tiền 180.000.000 đồng, không nhận 700.000.000 đồng. Sự việc cụ thể như sau: Ngày 14/8/2017 ông bà Q-D2 có ký giấy vay của ông bà D1-P số tiền 200.000.000 đồng, thực nhận 180.000.000 đồng (vì đã trừ 20.000.000 đồng chi phí môi giới), mỗi ngày trả 4.000.000 đồng, trả trong thời hạn 60 ngày (= 240.000.000 đồng); đến ngày 17/11/2017 ông bà Q-D2 đã trả xong tiền gốc nhưng chưa trả tiền lãi nên ông bà D1-P đưa thêm cho ông bà Q-D2 180.000.000 đồng và buộc phải ký giấy vay tiền như nội dung ở trên.

Sau ngày 17/11/2017, ông bà Q-D2 đã trả cho ông bà D1-P số tiền 77.000.000 đồng; nay, ông bà Q-D2 chỉ đồng ý trả thêm số tiền 103.000.000 đồng.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Bà C là con gái của bị đơn bà D2 và ông Q, vào khoảng tháng 8/2018 bà C có thấy cha mẹ bà trả cho ông P, bà D1 số tiền 20.000.000 đồng, những nội dung khác bà C không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D1, ông Lê Văn P đối với bị đơn bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Bà Phạm Ngọc D2 và ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Mỹ D1 và ông Lê Văn P số tiền 895.552.000 đồng, trong đó nợ gốc 670.000.000 đồng, tiền lãi 225.552.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Ngọc D2 và ông Nguyễn Văn Q phải nộp 38.866.000 đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1 hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D1 và ông Lê Văn P số tiền 18.510.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033474 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 05/9/2019 bị đơn Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận việc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 103.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày là yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này không liên quan đến "giấy vay nợ" ngày 14/8/2017, vì bị đơn đã trả xong số tiền này theo đúng thỏa thuận. Nguyên đơn không biết địa chỉ của người làm chứng ký tên trong hợp đồng vay tiền nên không cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày là đã nhận được Thông báo số 21/TB-TA ngày 12/11/2019 về việc cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn không biết địa chỉ của người làm chứng có ký tên trong hợp đồng vay tiền ngày 17/11/2017.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm vào ngày 07/11/2019 và ngày 14/11/2019 nhưng đều vắng mặt và không có lý do chính đáng; do đó, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt Thông báo số 21/TB-TA ngày 12/11/2019 về việc cung cấp chứng cứ, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận là không biết địa chỉ của các nhân chứng nên không cung cấp cho Tòa án; do đó, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D1, ông Lê Văn P khởi kiện bị đơn bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q yêu cầu trả số tiền vay 670.000.000 đồng và chứng minh bằng "hợp đồng vay tiền" ký ngày 17/11/2017; bị đơn bà Phạm Ngọc D2, ông Nguyễn Văn Q thừa nhận có ký vào hợp đồng với nội dung vay 700.000.000 đồng và tự viết dòng chữ…*"hai vợ chồng tôi đã nhận đủ tiền"* trước khi ký. Bị đơn ông bà Q-D2 cho rằng bị nguyên đơn ông bà D1-P ép buộc ký vào hợp đồng vay, thực tế chỉ có vay số tiền 180.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 14/8/2017, do không trả được tiền lãi (đã trả xong tiền gốc) nên ngày 17/11/2017, ông bà D1-P cho vay thêm 180.000.000 đồng và ép buộc ký hợp đồng vay số tiền 700.000.000 đồng; số tiền vay 180.000.000 đồng vào ngày 17/11/2017, ông bà Q-D2 đã trả được 77.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả thêm số tiền nợ 103.000.000 đồng.

Xét ý kiến trình bày của hai bên đương sự và chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp, thấy rằng:

Hai bên thừa nhận đúng chữ viết, chữ ký, đúng nội dung mà hai bên đã ký trong ngày 17/11/2017; theo đó, bị đơn vay nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, không lãi suất, quá thời hạn trên mà chưa trả được nợ thì bị đơn phải chịu lãi suất 20%/năm. Thỏa thuận giữa hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn cho rằng bị nguyên đơn ép buộc nhưng không có chứng cứ chứng minh, hồ sơ vụ án còn có thể hiện bị đơn là người có thời gian công tác lâu năm trong ngành pháp luật, có nhiều mối quan hệ xã hội. Do đó, có căn cứ để xác định hợp đồng ký giữa hai bên ngày 17/11/2017 là trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận giữa hai bên nên bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mà mình đã ký, đã xác lập.

Ngoài ra, bị đơn còn chứng minh có vay tiền của nguyên đơn theo "giấy vay nợ" ngày 14/8/2017, nội dung bị đơn vay nguyên đơn số tiền 200.000.000, thời hạn vay 01 tháng; đã trả xong tiền gốc, còn nợ tiền lãi. Nguyên đơn thừa nhận có "giấy vay nợ" ngày 14/8/2017 giữa hai bên nhưng bị đơn đã trả tiền đúng thời hạn vào ngày 14/9/2017 và không còn liên quan gì đến hợp đồng vay tiền ngày 17/11/2017.

Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q hơn 60 tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án; Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1, 2 Điều 308, khoản 3 Điều 296, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Ngọc D2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương về nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Ngọc D2 như sau:

Bà Phạm Ngọc D2 và ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho bà Huỳnh Thị Mỹ D1 và ông Lê Văn P số tiền 895.552.000 đồng (tám trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng), trong đó nợ gốc 670.000.000 đồng, tiền lãi 225.552.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/8/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 670.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận là 20%/năm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án đối với số tiền 225.552.000 đồng thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Bà Phạm Ngọc D2 phải nộp 19.433.000 đồng (mười chín triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn Q được miễn nộp.

Chi cục T3 thành phố T1 hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ D1 và ông Lê Văn P số tiền 18.510.000 đồng (mười tám triệu năm trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N ngày 19/02/2019 của Chi cục T3 thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Ngọc D2 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số V ngày 19/9/2019 của Chi cục T3 thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn Q được miễn nộp, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do bà Phạm Ngọc D2 nộp thay ông Nguyễn Văn Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí số E ngày 19/9/2019 của Chi cục T3 thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T3 thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đào Minh Đa